

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2021

“V/v tranh chấp HNGĐ”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hưng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Mai Nhật Đ**

Bà Hà Thị Thanh T

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt X** – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị N**, sinh năm 1981. (Có mặt)

Bị đơn: Anh **Ngô Tất T**, sinh năm 1975. (Có mặt)

Đều có địa chỉ: Khu 2, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Số 02 N, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Do bà **Vi Thị Phương D**. Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã P, tỉnh Phú Thọ đại diện theo ủy quyền (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trịnh Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Ngô Tất T tự nguyện tìm hiểu, được đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ ngày 15/11/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu 2, xã P, thị xã Phú Thọ. Quá trình chung sống của vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình hai bên không hợp nhau, mỗi người một quan điểm sống dẫn

đến mất lòng tin và không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung cháu Ngô Thanh T, sinh ngày 15/8/2003 và cháu Ngô Chí T, sinh ngày 23/3/2008. Khi ly hôn hai bên tự nguyện thỏa thuận chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Chí T còn anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Thanh T. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng có tổng số tiền là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) là tài sản chung của vợ chồng, hiện nay chị đang quản lý. Ly hôn chị sẽ có trách nhiệm thanh toán chênh lệch về tài sản cho anh T là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Do chị không có nhà ở, công ăn việc làm ổn định nên chị xin được thanh toán dần cho anh T mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi thanh toán xong số tiền trên.

Về công nợ: Chị xác định vợ chồng còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã P số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Ly hôn chị sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho ngân hàng chính sách.

Về công sức: Chị xác định không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Ngô Tất T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận những lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau. Đến ngày 16/8/2020 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị N xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh cũng xác định vợ chồng có 02 con chung tên tuổi như chị N đã trình bày. Ly hôn anh và chị N đã thỏa thuận anh trực tiếp nuôi cháu Ngô Thanh T, còn chị N trực tiếp nuôi cháu Ngô Chí T; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng có tổng số tiền là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) hiện nay chị N đang quản lý. Ly hôn chị N có trách nhiệm thanh toán chênh lệch về tài sản cho anh là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng), nhưng anh yêu cầu chị N phải thanh toán làm một lần chứ không trả nhiều lần như chị N trình bày.

Về công nợ: Anh cũng xác định vợ chồng còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội thị xã P số tiền 120.000.000đ (Một trăm

hai mươi triệu đồng). Ly hôn anh và chị N đã thống nhất thỏa thuận chị N sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho ngân hàng.

Về công sức: Anh xác định không có nên anh không đề nghị tòa án giải quyết gì.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị Phương D đại diện cho Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã P trình bày:

Ngày 14/7/2020 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Phú Thọ ký hợp đồng tín dụng số 77/2020/HĐ-TD cho hộ gia đình chị Trịnh Thị N và anh Ngô Tất T ở khu 2, xã P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn) theo Chương trình hỗ trợ việc làm, lãi suất 7,92%/ năm, thời hạn vay 48 tháng. Ngoài ra, chị N và anh T còn vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Phú Thọ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn) theo chương trình hộ cận nghèo, lãi suất 7,92%/năm, thời hạn trả là ngày 14/02/2023 và 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo Chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn với lãi suất 9,0%/năm, thời hạn trả là ngày 14/02/2024. Tổng cộng chị N và anh T vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Phú Thọ 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Sau khi vay vốn chị N và anh T mới trả lãi cho Ngân hàng. Dư nợ gốc đến nay là: 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Nay chị Trịnh Thị N và anh Ngô Tất T xin ly hôn, Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội thị xã Phú Thọ đề nghị chị N và anh T có trách nhiệm trả các khoản gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về T tụng:

Tranh chấp giữa chị Trịnh Thị N và anh Ngô Tất T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Các đương sự đều có nơi cư trú tại xã Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật T tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự đều không thống nhất được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án, vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Chị Trịnh Thị N và anh Ngô Tất T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và tiến bộ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu, sau

đó phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị N đã viết đơn xin ly hôn anh T. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay chị N và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên cả hai người đều thuận tình ly hôn để giải phóng cho cả hai người. HĐXX xét thấy anh, chị trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, việc thuận tình ly hôn của chị N và anh T là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Về con chung:

Chị N và anh T đều xác định có 02 con chung là Ngô Thanh T, sinh ngày 15/8/2003 và Ngô Chí T, sinh ngày 23/3/2008. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay hai bên đã tự nguyện thỏa thuận anh Ngô Tất T trực tiếp nuôi cháu Ngô Thanh T, chị Trịnh Thị N trực tiếp nuôi cháu Ngô Chí T; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên cần được công nhận.

Về tài sản chung:

Chị N và anh T đều xác định có số tài sản chung là khoản tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), hiện nay chị N đang quản lý. Chị N và anh T thỏa thuận sau khi ly hôn chị N sẽ thanh toán cho anh T 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Tuy nhiên, quan điểm của chị N cho rằng do chị không có việc làm nên không có thu nhập ổn định, do đó chị xin được thanh toán dần cho anh T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi hết số tiền trên. Quan điểm của anh T yêu cầu chị N phải thanh toán cho anh một lần là 160.000.000đ. Xét yêu cầu của chị N là không phù hợp bởi lẽ hiện nay chị đang quản lý toàn bộ số tiền 450.000.000 đồng của hai vợ chồng, hơn nữa sau khi ly hôn anh T cần phải có kinh phí để đảm bảo ổn định cuộc sống sau này, do vậy yêu cầu của chị không được chấp nhận. Vì vậy cần buộc chị N phải thanh toán cho anh T khoản tiền mà chị và anh T đã thống nhất, thỏa thuận với nhau.

Về công nợ: Đối với khoản nợ 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) của Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Phú Thọ. Quá trình giải quyết chị N, anh T và đại diện Ngân hàng đều thống nhất được khoản nợ. Quan điểm của Ngân hàng đề nghị cả hai phải có trách trả số nợ trên cho ngân hàng. Xét quan điểm của ngân hàng thì thấy việc vay nợ giữa anh T, chị N với ngân hàng là theo hình thức tín chấp chứ không phải thế chấp tài sản do đó sự thỏa thuận trả nợ của chị N và anh T là chị N có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho ngân hàng là phù hợp cần chấp nhận.

Về công sức: Chị N và anh T đều xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Chị N và anh T phải chịu án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 38, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 BLDS; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị N và anh Ngô Tất T.

[2]. Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của chị Trịnh Thị N và anh Ngô Tất T về nuôi dưỡng con như sau: Anh Ngô Tất T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Thanh T, sinh ngày 15/8/2003 và chị Trịnh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Chí T, sinh ngày 23/3/2008 cho đến khi các cháu thành niên, có khả năng lao động; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh T, chị N đều được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai không được cản trở.

[3]. Về tài sản chung:

Xử buộc chị Trịnh Thị N phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Ngô Tất T số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Anh Ngô Tất T được nhận 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) do chị N thanh toán lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu chị N không thanh toán được số tiền trên cho anh T. Anh T có đơn yêu cầu thi hành án thì chị N còn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[4]. Về công nợ:

Xử: Buộc chị Trịnh Thị N có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Phú Thọ số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) tiền gốc và các khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng và các giấy đề nghị vay vốn đã ký kết với ngân hàng.

Duy trì Hợp đồng tín dụng số 77/2020/HĐ-TD ngày 14/7/2020; Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm ngày 06/7/2020 và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 07/02/2018 và giấy đề nghị vay vốn

kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 25/02/2019 giữa chị Trịnh Thị N với Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Phú Thọ.

[5]. Về công sức: Chị N và anh T đều xác định không có nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản, tổng cộng là 8.800.000đ (Tám triệu tám trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002559 .ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ. Chị N còn phải nộp tiếp 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản.

Anh Ngô Tất T phải chịu 8.000.000đ (Tám triệu đồng) án phí chia tài sản.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị N, anh T có mặt được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi có trụ sở đóng để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- VKSND thị xã Phú Thọ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Thọ;
- LưuHS, VP, KT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hưng T

Thị xã Phú Thọ, ngày 26 tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Hưng Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Mai Nhật Đậu**

2. Bà Hà Thị Thanh Thảo

Căn cứ vào Điều 235 và Điều 264 của Bộ luật T tụng dân sự;

Vào hồi giờ phút, ngày 26 tháng 4 năm 2020, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “ *Tranh chấp về hôn nhân và gia đình* ” giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị N**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu 2, xã Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Ngô Tất T**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu 2, xã Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội -Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Du, phường Âu Cơ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Vi Thị Phương Dung. Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc hỏi và tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của những người tham gia T tụng; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Về áp dụng điều Luật: Căn cứ vào Điều 55, Điều 59, Điều 62, Điều 63, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 BLDS; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 điều 12; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Kết quả biểu quyết: 3/3.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị N và anh Ngô Tất T.

2/. Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của chị Trịnh Thị N và anh Ngô Tất T như sau: Anh Ngô Tất T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Thanh Tùng, sinh ngày 15/8/2003; chị Trịnh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Chí Thanh, sinh ngày 23/3/2008 cho đến khi các cháu thành niên, có khả năng lao động; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T, chị N đều được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai không được cản trở.

3/. Về tài sản chung: Xử buộc chị Trịnh Thị N phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Ngô Tất T 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu chị N không thanh toán khoản tiền trên, kể từ ngày anh T có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong, chị N còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất theo quy định tại điều 357, 468 Bộ luật dân sự

4/. Về công nợ: Xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Chị Trịnh Thị N có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Phú Thọ 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) tiền gốc và các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng và các giấy đề nghị vay vốn đã ký kết với ngân hàng.

Duy trì Hợp đồng tín dụng số 77/2020/HĐ-TD ngày 14/7/2020; Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm ngày 06/7/2020 và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 07/02/2018 giữa chị Trịnh Thị N với

Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Phú Thọ.

5/. Về công sức: Chị N và anh T đều xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

6/. Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản, tổng cộng là 8.800.000đ (Tám triệu tám trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002559 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ. Chị N còn phải nộp tiếp 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản. Anh Ngô Tất T phải nộp 8.000.000đ (Tám triệu đồng) án phí chia tài sản.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật cho các đương sự.

Việc nghị án kết thúc hồi giờ phút cùng ngày./.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Hưng Thủy